TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Đê

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Thảo –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28-2 và 29-3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 353/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2023/QĐST- HNGĐ ngày 28-02-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST- HNGĐ ngày 24-3-2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 10 ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Kiều Trọng B, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: 788 đường C, tổ 4 khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Kiều Trọng B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L,

thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 02-4-2018.

Sau khi kết hôn, ông bà về sống chung tại khu tập thể trường Dầu khí ở phường L, thành phố B cho đến năm 2021 thì về ở chung nhà ba mẹ ruột ông B ở địa chỉ tổ 4 khu phố 4, phường L, thành phố B. Cuộc sống vợ chồng ngay sau khi kết hôn đã có bất đồng nhỏ nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nhiều hơn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách và bất đồng quan điểm sống, thậm chí ông B còn dùng vũ lực với bà. Ông B cũng không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Bà T và ông B đã sống ly thân từ tháng 7-2022, cả hai không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay mâu thuẫn giữa bà T và ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà T xác nhận bà và ông B có 03 con chung gồm Kiều Trọng N, sinh ngày 09-4-2019; Kiều Nguyễn Nam P, sinh ngày 04-5-2020 và Kiều Trọng Đ, sinh ngày 30-4-2021. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và Đ, đồng ý giao cháu N cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, bà và ông B không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[2] Bị đơn ông Kiều Trọng B: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia làm việc và phiên tòa xét xử nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là đúng quy định tại các Điều 97, Điều 208- 211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng. Bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào Đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp nuôi con" và việc Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Kiều Trọng B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án trên theo quy định.

-Về nội dung giải quyết:

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị T và ông Kiều Trọng B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của bà T và ông B là hôn nhân hợp pháp.

Bà T cho rằng ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã có những bất đồng nhỏ. Từ đầu năm 2022 thì mâu thuẫn phát sinh nhiều hơn, cả hai đã sống ly thân. Điều này phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương nơi bà T và ông B từng chung sống.

Xét trong mỗi gia đình thì cả vợ chồng đều phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên ở bà T và ông B thì do mâu thuẫn nên cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến phải sống ly thân. Vì vậy nhận thấy tình trạng vợ chồng giữa bà T và ông B đã đến mức trầm trọng và đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần văn bản tố tụng yêu cầu ông B tham gia làm việc và phiên tòa xét xử nhưng ông B vẫn vắng mặt. Điều đó cho thấy ông B không có thiện chí để hàn gắn quan hệ hôn nhân của chính mình. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Bà T xác nhận bà và ông B có 03 con chung gồm Kiều Trọng N, sinh ngày 09-4-2019; Kiều Nguyễn Nam P, sinh ngày 04-5-2020 và Kiều Trọng Đ, sinh ngày 30-4-2021. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và Đạt, đồng ý giao cháu N cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, bà và ông B không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà T xác định khi bà và ông B sống ly thân thì bà đưa cháu P và Đ đi cùng, còn cháu N do ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên từ tháng 10-2022 thì ông B không hỏi ý kiến bà mà

đưa cháu P về sống cùng ông B cho đến nay. Điều này phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương.

Xét bà T hiện nay có nơi ở, việc làm và thu nhập ổn định, có thời gian để chăm sóc, dạy dỗ và giáo dục con. Mặc khác, cháu P và Đ đều dưới 36 tháng tuổi, nên để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt, học tập, tinh thần, tâm lý của các cháu, cần chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu P và Đ cho bà T và giao cháu N cho ông B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Bà T và ông B không ai phải cấp dưỡng nuôi con

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Còn đối với ông B thì sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng không có ý kiến, yêu cầu gì về vấn đề con chung. Về tài sản chung và nợ chung ông B cũng không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Kiều Trọng B được ly hôn.

[2]. Về con chung: Giao cháu Kiều Nguyễn Nam P, sinh ngày 04-5-2020 và Kiều Trọng Đ, sinh ngày 30-4-2021 cho bà T và giao cháu Kiều Trọng N, sinh ngày 09-4-2019 cho ông B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, bà T và ông B không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T, ông B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4].Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004795 ngày 06-10-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy bà T đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29-3-2023) đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- Chi cục THADS TP. Bà Rịa;
- UBND xã Long Phước, TP.Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Thị Thương